

Bản án số: 442/2019/HSPT

Ngày 31 tháng 7 năm 2019

“Nguyễn Hồ H – Lừa đảo chiếm đoạt tài sản,
Sử dụng giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Dẫn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 22/2019/TLPT-HS ngày 03 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Hồ H do người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2018/HS-ST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ.

Bị cáo bị kháng cáo: Nguyễn Hồ H, sinh ngày 15/12/1988 tại tỉnh Đ; Thường trú: Số 19 Tỉnh lộ 852, khóm Tân Hòa, thành phố S, tỉnh Đ; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông Nguyễn Thành Nam và bà Hồ Thị Kim Hoàn; Vợ Phạm Thị Thùy Trang, chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa từng bị kết án; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/5/2018 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Luật sư Đỗ Hải Bình thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

Người bị hại có kháng cáo, có liên quan đến kháng cáo:

- Bà Lâm Thị Phương L, sinh năm 1984 – Vắng mặt;

Trú ấp Tân Hựu, xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đ.

- Ông Đặng Phi Út M, sinh năm 1969 – Vắng mặt;

Trú Tổ 6, ấp An Hưng, xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp của bà Lâm Thị Phương L và ông Đặng Phi Út M: Ông Trần Thanh Hùng, sinh năm 1963; Trú 13/26, đường số 11, Phường 4, thành phố T, tỉnh L (Văn bản ủy quyền ngày 06/5/2019 và ngày 29/7/2019) – Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo: Ông Lê Minh V, sinh năm 1987; Trú ấp 1, xã Mỹ Trà, thành phố C, tỉnh Đ – Vắng.

Người làm chứng có liên quan đến kháng cáo:

Bà Lý Thị Ngọc T, sinh năm 1985 – Vắng mặt;

ĐKTT: Ấp Tân Lộc A, xã Tân Dương, huyện L, tỉnh Đ.

Tạm trú Khóm Mỹ Thuận, thị trấn Mỹ Thọ, huyện C, tỉnh Đ.

Ngoài ra còn có 01 người bị hại và 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hồ H là cán bộ tín dụng của Ngân hàng Hàng Hải – Chi nhánh thành phố S, tỉnh Đ từ tháng 10/2011 đến ngày 02/02/2018 H xin nghỉ việc. Vào năm 2017, H thấy việc cho vay tiền để đảo nợ ngân hàng trong thời gian ngắn thu lời cao nên H vay tiền của nhiều người rồi cho vay lại để kiếm lãi. Sau một thời gian thì H mất khả năng chi trả, trong khi phải có tài sản thế chấp mới vay được tiền nên H nảy sinh ý định thuê người làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp vay tiền.

Ngày 07/01/2018, H truy cập Internet và liên hệ được một người tên Thái ở Thành phố Hồ Chí Minh (không rõ tung tích) đồng ý làm thuê cho H một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả với giá 46.000.000 đồng. Sau đó, H chụp ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật của ông Nguyễn Trung Chánh là khách hàng vay tiền ở ngân hàng do H quản lý rồi gửi ảnh qua zalo cho Thái. Thái làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gửi xe Phương Trang mang xuống cho Hải vào ngày 13/01/2018.

Có được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, H nhờ Nguyễn Thị Thu T1 tìm người cho vay tiền để H vay tiền trả nợ cho T1 (T1 không biết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giả). T1 giới thiệu ông Nguyễn Thành K. Ông K yêu cầu phải ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nếu sau 30 ngày không trả lại tiền vay thì ông K sẽ làm thủ tục sang tên. Ông K nhờ bà T1 xem đất thì H dẫn bà T1 đến xem một khu đất gần đất của ông Chánh nhưng không rõ của ai, làm bà T1 tin có đất thật nên báo cho ông K biết.

Ngày 18/01/2018, H cùng K, T1 đến Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ Thọ, huyện C chứng thực Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 397, tờ bản đồ số

16, diện tích 12.444 m² do Nguyễn Hồ H đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy giả) số CG 421451, số vào sổ CH 04900 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 28/11/2017. Ngày 19/11/2018, H và ông K, bà T1 gặp nhau tại quán cà phê của bà T1 ở Phường 2, thành phố C, H nhận của ông K 500.000.000 đồng, viết biên nhận nợ ký tên, bà T1 ký tên là người chứng kiến, giao cho ông K giữ biên nhận và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giả). Ngày 05/02/2018, H đóng lãi cho ông K 10.000.000 đồng.

Do H không trả tiền vay nên ngày 09/3/2018, ông K nộp hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì Văn phòng đăng ký đất đai huyện C phát hiện nên đã báo cho Cơ quan điều tra Công an huyện C.

Tại Kết luận giám định số 236/KL-KTHS ngày 09/4/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CG 421451 là giấy giả.

Tại Kết luận giám định số 238/KL-KTHS ngày 10/4/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ kết luận: Chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn Hồ H trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Biên nhận giao nhận tiền và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do Nguyễn Hồ H ký, viết ra.

Bà T1 đã sử dụng số tiền 500.000.000 đồng nhận của H trả nợ cho người khác. Cha của H là Nguyễn Thành Nam đã thay H trả cho ông K 500.000.000 đồng xong.

Trong quá trình điều tra có thêm 03 người tố giác H có hành vi chiếm đoạt tài sản của họ nhưng qua điều tra chỉ chứng minh được hành vi của H đối với 02 người sau:

1. Ngày 03/01/2018, H vay của ông M 590.000.000 đồng, không thể chấp tài sản, mục đích vay để đáo nợ ngân hàng. Khi đến hạn trả nợ thì M và H thỏa thuận H sẽ trả dần. H trả được 40.000.000 đồng, ông Nam trả thay H được 80.000.000 đồng. H còn nợ tiền vốn 510.000.000 đồng.

Khoảng ngày 18 – 19/01/2018 H nói dối với ông M là có khách hàng cần vay tiền để đáo hạn ngân hàng. H đưa cho ông M xem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy giả) số CG 421451 và photocopy giao cho ông M một bản để H bảo lãnh cho khách hàng thì ông M tin tưởng. Ngày 24/01/2018, H nhờ Lê Minh V đến quán cà phê Phương Trang ở thành phố S gặp ông M để vay số tiền 350.000.000 đồng hẹn 01 ngày trả lại. V viết biên nhận và ký tên người vay tiền, H ký bảo lãnh, M giao tiền cho V nhận. Khi lấy xe ra về, V đưa lại cho H toàn bộ số tiền 350.000.000 đồng. Sau đó, H đóng lãi cho M 10.500.000 đồng không còn khả năng trả nợ cho M. Ngoài ra vào ngày 13/02/2018, H còn mượn của M 23.000.000 đồng.

Lý Minh V khai không biết việc thỏa thuận vay tiền giữa H và M, không nghe H nhờ giả làm khách hàng vay tiền, mà do Lý Thị Ngọc T là Trưởng Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn đo đạc thiết kế xây dựng K tại Đ (V là nhân viên công ty)

điện thoại kêu V đến thành phố S ký biên nhận nợ dùm H vì H là bạn làm ăn chung với T.

2. Ngày 19/01/2018, tại quán cà phê Vũ Thảo ở khóm Phú Mỹ Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đ, H đưa cho bà Lâm Thị Phương L 01 bản photocopy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên của H để bà L tin tưởng đưa cho H vay 200.000.000 đồng trong thời hạn 02 ngày. Do H không trả nợ nên ngày 01/3/2018, bà L nộp đơn khởi kiện dân sự tại Tòa án nhân dân thành phố S. Đến ngày 26/3/2018 thì L biết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của H là giả nên bà L tố giác đến Công an. Tòa án nhân dân thành phố S đã ra Quyết định số 218/2018/QĐST-DS ngày 26/3/2018 đình chỉ giải quyết vụ án dân sự. Ngày 24/4/2018, ông Nam thay H trả cho bà L 20.000.000 đồng. H còn nợ L 180.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra còn nhận được đơn của bà Dương Ngọc A tố cáo H chiếm đoạt của bà tổng cộng 2.115.000.000 đồng nhưng đây là biên nhận nợ gộp các khoản vay, là quan hệ dân sự nên không đề cập giải quyết trong vụ án này.

Đối với người có tên là Thái làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa rõ tung tích nên Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ xử lý sau.

Tại Bản cáo trạng số 11/CT-VKS-P3 ngày 30/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ đã truy tố Nguyễn Hồ H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự;

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2018/HSST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồ H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 55 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồ H 09 (chín) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 03 (ba) năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt chung cho hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Hồ H phải chấp hành là 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/5/2018.

Căn cứ Điều 288 và Điều 589 Bộ luật dân sự;

Buộc Nguyễn Hồ H và ông Lê Minh V có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Đặng Phi Út M 339.500.000 đồng.

Ông Lê Minh V và bị cáo Nguyễn Hồ H liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm 16.975.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự giữa bị cáo với bà Lâm Thị Phương L; về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm; về trách nhiệm

do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/12/2018, người bị hại bà Lâm Thị Phương L có đơn kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo H.

Ngày 03/12/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh V có đơn kháng cáo yêu cầu đưa bà Lý Thị Ngọc T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; buộc bà T liên đới trách nhiệm với bị cáo H trả tiền cho ông M; đồng thời không buộc ông V liên đới với bị cáo H trả nợ cho ông M với lý do ông V là nhân viên của bà T, do bà T bảo ông V ký tên dùm, nên ông V mới ký tên vào biên nhận vay tiền của ông M và ông V không được hưởng bất cứ lợi ích gì trong việc này.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Bị cáo Nguyễn Hồ H khai nhận bị cáo đồng ý với Bản án sơ thẩm nên bị cáo không kháng cáo. Do gộp chung các khoản tiền bị cáo đã chiếm đoạt nên bị cáo mới bị xét xử ở khoản 4 của điều luật nên bị cáo không bị áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần, bị cáo xin xem xét cho bị cáo mức hình phạt hợp lý để bị cáo an tâm cải tạo. Trong đơn kháng cáo của ông Lê Minh V nêu không quen biết bị cáo là không đúng sự thật, vì bị cáo và V đã quen biết từ trước và ngay trong ngày nhận tiền của ông Út M thì bị cáo cho V mượn 30.000.000 đồng đến nay V chưa trả cho bị cáo. Tuy nhiên bị cáo xin chịu trách nhiệm cá nhân đối với số tiền đã nhận của ông Út M.

Ông Trần Thanh Hùng đề nghị xem xét bị cáo phạm tội nhiều lần, thủ đoạn tinh vi, cùng lúc phạm hai tội và không biết bị cáo có thuộc đối tượng được hưởng tình tiết giảm nhẹ gia đình có công như Bản án sơ thẩm đã áp dụng hay không? Do đó đề nghị tăng nặng hình phạt đối với bị cáo. Ông Lê Minh V là người đã trưởng thành, đã viết biên nhận nợ, trực tiếp nhận tiền của ông Út M nên ông V phải liên đới trách nhiệm trả tiền cho ông Út M, không đồng ý với kháng cáo của ông V và cũng không đồng ý chỉ buộc một mình bị cáo trả tiền.

Luật sư đề nghị xem xét do gộp chung số tiền bị cáo chiếm đoạt nên bị cáo mới bị xét xử ở khoản 4 của điều luật nên không áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần, thủ đoạn phạm tội của bị cáo không bị coi là thủ đoạn tinh vi, cùng lúc phạm 2 tội không phải là tình tiết tăng nặng và ông của bị cáo là người có công. Thống nhất theo quan điểm của đại diện Viện kiểm sát bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 thì đã đủ điều kiện để được xử phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Ông Lê Minh V là người có đủ năng lực hành vi nên ông phải chịu trách nhiệm đối với hành vi ký giấy mượn tiền và nhận tiền của ông Út M. Đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị xem xét đơn kháng cáo của bà Lâm Thị Phương L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh V đảm bảo về hình

thức và thời hạn, nên đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Về nội dung đề nghị bác kháng cáo của bị hại Lâm Thị Phương L và bác kháng cáo của ông Lê Minh V, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bà Lâm Thị Phương L và đơn kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh V đảm bảo về hình thức và trong hạn luật định, đủ điều kiện giải quyết phúc thẩm.

Tòa án đã triệu tập đến lần thứ hai nhưng ông Lê Minh V vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định tháng 01/2018, bị cáo có hành vi thuê người làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để thế chấp vay của 03 cá nhân với tổng số tiền 1.029.500.000 đồng (gồm: Nguyễn Thành K 490.000.000 đồng + Đặng Phi Út M 339.500.000 đồng + Lâm Thị Phương L 200.000.000 đồng) rồi chiếm đoạt. Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồ H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[3] Bản án sơ thẩm đã xem xét hành vi phạm tội của bị cáo đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đặc biệt nghiêm trọng đến tài sản hợp pháp của người khác, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương; đồng thời đã cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo gồm: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại, người bị hại (ông K) xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên đủ điều kiện để được áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự. Hình phạt 03 năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” là ở mức khởi điểm của khung hình phạt đối với tội này và hình phạt 09 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhưng ở mức cao của khung hình phạt liền kề của điều luật đã là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm và hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của

người bị hại Lâm Thị Phương L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Ông Lê Minh V là người viết Biên nhận mượn tiền và là người trực tiếp nhận 350.000.000 đồng của ông Đặng Phi Út M nên Bản án sơ thẩm đã buộc ông V liên đới với bị cáo trả tiền cho ông Út M là có căn cứ. Việc ông V trình bày ông viết biên nhận mượn tiền và nhận tiền của ông Út M là làm theo yêu cầu của bà Lý Thị Ngọc T là Thủ trưởng của ông, nhưng việc ông V viết Biên nhận mượn tiền và trực tiếp nhận tiền của ông Út M không phải là thực hiện nhiệm vụ của đơn vị do Thủ trưởng (bà T) phân công, mà đây là quan hệ thuần túy về dân sự, trong khi ông V là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đầy đủ nhận thức nên ông V phải tự chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình đã thực hiện. Do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông V yêu cầu loại trừ trách nhiệm liên đới của ông, yêu cầu xác định bà T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án để buộc bà T liên đới trả nợ cho ông Út M và yêu cầu không buộc ông chịu trách nhiệm liên đới án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Bà Lâm Thị Phương L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; Ông Lê Minh V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với bà Lâm Thị Phương L; Về xử lý vật chứng; Về án phí hình sự sơ thẩm; Về trách nhiệm do chậm thi hành án; Về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lâm Thị Phương L và đơn kháng cáo của ông Lê Minh V; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2018/HSST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 55 Bộ luật hình sự; Điều 288 và Điều 589 Bộ luật dân sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồ H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồ H 09 (chín) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 03 (ba) năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Hồ H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 12 (*mười hai*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/5/2018. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Buộc bị cáo Nguyễn Hồ H và ông Lê Minh V có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Đặng Phi Út M 339.500.000 đồng (*Ba trăm ba mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng*).

Ông Lê Minh V và bị cáo Nguyễn Hồ H liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm 16.975.000 đồng (*Mười sáu triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh V phải nộp án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*).

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với bà Lâm Thị Phương L; Về xử lý vật chứng; Về án phí hình sự sơ thẩm; Về trách nhiệm do chậm thi hành án; Về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC
- Viện Trưởng VKSNDTC
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đ;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ;
- Công an tỉnh Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Cục THADS tỉnh Đ;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đ
(Trại tạm giam Công an tỉnh Đ tổng đạt cho bị cáo;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

